

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:114/2018/DSPT
Ngày: 31/5/2018
V/v “Tranh chấp chia di
sản thừa kế”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Minh Lễ

Các Thẩm phán: Ông Ngô Dũng

Bà Thái Thị Huyền Trân

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa:

Ông: Hà Huy Phong - Cán bộ Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:

Ông: Huỳnh Thanh Phước - Kiểm sát viên trung cấp.

Trong ngày 31 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 57/2018/TLPT-DS ngày 17 tháng 4 năm 2018 về việc “*Tranh chấp chia di sản thừa kế*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 33/2018/DS-ST ngày 28/02/2018 của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 116/2018/QĐ-PT, ngày 19/4/2018 giữa các đương sự.

1. Nguyên đơn: bà Bùi Ngân Kim K, sinh năm: 1945 (Có mặt);

Địa chỉ cư trú: số 95, đường Trần Q, phường 4, Quận 11, thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: ông Huỳnh Văn D, sinh năm 1938 (Vắng mặt);

Địa chỉ cư trú: tổ 14, ấp Bình H 2, xã Bình M, huyện Châu P, tỉnh An Giang;

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: ông Huỳnh Phước V, sinh năm 1959. Địa chỉ cư trú: ấp Bình H 2, xã Bình M, huyện Châu Ph, tỉnh An Giang;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: bà Nguyễn Minh O
- là luật sư thuộc Đoàn luật sư tỉnh An Giang;

3. Ông Huỳnh Minh Th, sinh năm 1940 (Vắng mặt);

Địa chỉ nơi cư trú: số 174/19/4, đường Nguyễn Tư G, phường 12, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh

3.2. Bà Huỳnh Thị Ngh, sinh năm 1954 (Vắng mặt);

Địa chỉ cư trú: số 49/3/4B, đường Trần Hưng Đ, phường Mỹ B, thành phố L, tỉnh An Giang. Nơi tạm trú: số 12, đường Tạ Uyên, khóm 4, phường 9, thành phố Cà M, tỉnh Cà Mau.

3.3. Bà Huỳnh Thị Đ, sinh năm 1947 (chết).

Địa chỉ nơi cư trú: tổ 14, ấp Bình H 2, xã Bình M, huyện Châu P, tỉnh An Giang;

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Đ:

3.3.1. Ông Trần Minh H, sinh năm 1944 (chồng bà Đ) (Vắng mặt);

Địa chỉ nơi cư trú: ấp T, xã X, huyện L, thành phố Cần Thơ.

3.3.2. Ông Trần Huỳnh Minh Tr, sinh năm 1977 (Có mặt);

Địa chỉ nơi cư trú: ấp T, xã X, huyện L, thành phố Cần Thơ;

3.4. Bà Huỳnh Thị Hữu A, sinh năm 1956 (chết); Địa chỉ nơi cư trú: tổ 19, ấp H, xã B, huyện Châu T, tỉnh An Giang.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà A:

3.4.1. Ông Thích Thành Đ, sinh năm 1945 (chồng bà A) (Có mặt);

3.4.2. Bà Thích Thị Anh I, sinh năm 1978 (Con bà A) (Vắng mặt);

3.4.3. Bà Thích Thị Tuyết L, sinh năm 1988 (con bà A), (Vắng mặt);

Cùng địa chỉ cư trú: ấp H, xã B, huyện Châu T, tỉnh An Giang.

3.4.4. Bà Thích Thị Thúy N, sinh năm 1980 (con bà A); Địa chỉ: ấp L 2, xã V, huyện Châu T, tỉnh An Giang.

3.5. Ông Huỳnh Giáo Ngọc Kh, sinh năm 1970; (Vắng mặt);

3.6. Ông Huỳnh giáo Ngọc H, sinh năm 1971; (Vắng mặt);

3.7. Bà Huỳnh Bùi Ngọc D, sinh năm 1972; (Có mặt);

3.8. Bà Huỳnh Bùi Ngọc U, sinh năm 1977 (Vắng mặt);

Cùng địa chỉ cư trú: số 95, Trần Q, phường 4, Quận 11, thành phố Hồ Chí Minh.

3.9. Ông Huỳnh Phước V, sinh năm 1959 (Có mặt);

3.10. Bà Huỳnh Thị Kim Đ, sinh năm 1967(Có mặt);

3.11. Ông Huỳnh Ngọc M, sinh năm 1962(Có mặt);

3.12. Bà Huỳnh Lý Minh Tr, sinh năm 1993 (Vắng mặt);

Cùng địa chỉ cư trú: số 403, tổ 13, ấp B 2, xã M, huyện Châu P, tỉnh An

Giang.

3.13. Ông Huỳnh Q, sinh năm 1961 (Có mặt);

3.14. Bà Phan Thị Y, sinh năm 1968 (Có mặt);

3.15. Ông Huỳnh Quang H, sinh năm 1992 (Có mặt);

3.16. Bà Huỳnh Thị Ng Ch (Có mặt);

Cùng địa chỉ cư trú: số 404, tổ 13, ấp B 2, xã M, huyện Châu P, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Bùi Ngân Kim K trình bày: cha mẹ chồng của bà là cụ Huỳnh Văn U và Phan Thị E có 06 người con gồm Huỳnh Văn D, Huỳnh Minh Th, Huỳnh Giáo S, Huỳnh Thị Đ, Huỳnh Thị Ngh, Huỳnh Thị Hữu A. Cụ U chết năm 1971, cụ E chết năm 2001 có để lại tài sản là 02 căn nhà gắn liền với đất ở và đất trồng cây lâu năm khác diện tích 4.522,7m² tọa lạc tại ấp B 2, xã M, huyện Châu P, tỉnh An Giang. Bà là vợ của Huỳnh Giáo S (chết năm 2003) bà và ông S có 04 người con. Cụ U và cụ E không lập di chúc, di sản để lại ông D đang quản lý bà yêu cầu chia theo pháp luật căn nhà, đất ở và đất trồng cây lâu năm khác 4.522,7m² nhưng đối với 908,7m² đất mồ mã không yêu cầu chia. Bà và 04 người con xin nhận phần thừa kế là hiện vật để làm nơi thờ cúng, ông S.

Bị đơn ông Huỳnh Văn D trình bày: cha mẹ ông có 06 người con như lời bà K trình bày. Cha mẹ ông được thừa hưởng căn nhà, đất ở và đất trồng cây lâu năm diện tích 4.522,7 m² do ông bà nội Huỳnh Văn A và Nguyễn Thị U để lại. Ngày 02/08/1969 anh, em của cha mẹ ông có làm tờ tự thuận phân ngoài phần đất ruộng, cha ông còn được hưởng căn nhà phủ thờ có ba căn, lợp ngói, cột tròn cùng nội thất được cất trên phần đất 4.522,7m². Cha ông ở trên căn nhà thờ đó, giữ gìn, chăm sóc, phụng thờ tổ tiên, không được bán, phần đất lập thổ không ai được rào xung quanh làm cản trở sự lưu thông của chủ đất trước và sau. Năm 1971 cha ông chết, toàn bộ tài sản do mẹ ông là bà Nén quản lý. Ngày 29/6/1998, mẹ ông có lập di chúc giao quyền và đất cho ông quản lý, có trách nhiệm cúng kiếng ông bà, Tờ di chúc này có sự chứng kiến ký tên của nhiều bà con trong tộc họ và các con trong gia đình, ông đã thực hiện đúng lời mẹ ông dặn trong di chúc. Thời điểm này ông S bị tai biến còn ở chung trong nhà, còn vợ ông S là bà K thì sống ở thành phố Hồ Chí Minh, năm 2001 mẹ ông chết, đến năm 2003 ông S chết. Ông tiếp tục quản lý căn nhà và thờ cúng ông bà hàng năm, khi Nhà nước nâng cấp mở rộng mặt đường ông được nhận tiền bồi hoàn 921.000 đồng, số tiền ông đã chi vào việc thờ cúng ông bà. Nay bà K yêu cầu chia thừa kế căn nhà và đất cho 06 người, trong đó có phần của ông S thì ông không đồng ý. Vì đây là phủ thờ của tộc họ và ông là người thừa hưởng theo di chúc do mẹ ông để lại.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Ông Huỳnh Minh Th trình bày: ông thống nhất với các ý kiến của các em ông là bà Huỳnh Thị Đ, Huỳnh Thị Ngh, Huỳnh Thị Hữu A. Thống nhất vào ngày 29/6/1998 gia tộc ông đã lập tờ di chúc phân công người thờ cúng ông bà cha mẹ hàng năm là ông không đồng ý chia theo di chúc như yêu cầu của bà K.

Tại đơn đề nghị ngày 05/6/2017, trước đây ông tin tưởng tờ di chúc năm 1998 để lại toàn bộ di sản thừa kế để làm phủ thờ là ý nguyện của cụ nên ông không đồng ý chia di sản thừa kế cho bà K. Nay ông xin chia thừa kế theo pháp luật, lý do ông Huỳnh Phước V tự lập tờ di chúc ngày 29/6/1998 với danh nghĩa theo ý nguyện của cụ E nhằm chiếm đoạt tài sản thừa kế của cha mẹ ông.

Bà Huỳnh Thị Đ trình bày: thống nhất theo tờ di chúc của mẹ bà cụ Nén vào ngày 29/6/1998 giao quyền quản lý, sử dụng phần đất và căn nhà cho ông Huỳnh Văn D nên ông Thứ phải có trách nhiệm gìn giữ, bảo quản thờ cúng ông bà, không được mua bán, cầm cố dưới mọi hình thức. Còn đối phần việc phân chia đất ruộng cho các anh, em; Trong đó vợ chồng bà K - ông Sư 25.000m² và 5.000m² đất ở và đất vườn và ông S, bà K đã chuyển nhượng toàn bộ phần đất này. Nên bà có ý kiến là không chia thừa kế theo yêu cầu của bà K.

Bà Huỳnh Thị Hữu A trình bày: thống nhất tờ di chúc ngày 29/6/1998 để lại di sản cho ông D quản lý thờ cúng và từ khi mẹ bà chết thì ông D đã làm đúng di chúc. Trong khi bà K tuy có thời gian sống chung với cha mẹ chồng nhưng bà không làm tròn trách nhiệm dâu con, chưa từng nấu cho cha mẹ bà một bữa cơm, khi mẹ bà già yếu thì bà K cũng không tới lui chăm sóc; đám giỗ hàng năm bà K và các con cũng không về dự. Không đồng ý chia di sản theo yêu cầu của bà K mà để cho ông D tiếp tục quản lý thờ cúng.

Các ông Huỳnh Quang V, bà Phan Thị Yến X, anh Huỳnh Quang H, chị Huỳnh Thị Ng Ch: khi bà Nội ông là cụ U còn sống, ông V chung sống cùng cụ E, năm 1993 ông lập gia đình thì cụ E cho ông cất nhà ra riêng trên phần đất tranh chấp hiện nay, ông đã ở ổn định nên yêu cầu được công nhận phần đất này.

Bà Huỳnh Thị Kim Đ trình bày: thống nhất để di sản cho ông D tiếp tục quản lý, trông coi, thờ cúng, không đồng ý chia theo yêu cầu của bà Khánh.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 33/DS-ST ngày 28/02/2018 của Tòa án nhân dân huyện Châu P, tỉnh An Giang đã quyết định:

- Căn cứ các Điều 26; Điều 147; Điều 158; Điều 165, điểm c khoản 1 điều 217; Điều 244; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Chấp nhận việc rút yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Ngân Kim K do ông Đặng Huỳnh L đại diện đối với ông Huỳnh Văn D về việc chia thừa kế tài sản.

Không chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đòi lại nhà và đất;

Đình chỉ giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 07/2008/TLDS-ST ngày 02/10/2008 về “tranh chấp chia thừa kế tài sản”.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 28/02/2018, bà Bùi Ngân Kim Kh kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm; yêu cầu Tòa án chấp nhận yêu cầu đòi tài sản của bà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của bà Bùi Ngân Kim K, nộp trong hạn luật định, có đóng tạm ứng án phí phúc thẩm nên được chấp nhận.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn vẫn giữ nguyên một phần yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo, các đương sự không tự thỏa thuận với nhau về giải quyết vụ án;

[3] Về nội dung vụ án: nguyên đơn bà K khởi kiện căn cứ vào di sản do cha mẹ chồng cụ là Huỳnh Văn U và Phan Thị E để lại gồm 02 căn nhà gắn liền với đất ở và đất trồng cây lâu năm khác diện tích 4.522 m², trong đó có 908,7m² đất mồ mã không yêu cầu chia. Cụ U mất năm 1971, cụ E mất năm 2001 quá trình sống chung có 06 người con gồm Huỳnh Văn D, Huỳnh Minh Th, Huỳnh Giáo S, Huỳnh Thị Đ, Huỳnh Thị Ngh, Huỳnh Thị Hữu A; Bà K trình bày là vợ của Huỳnh Giáo S (chết năm 2003) bà và ông S có 04 người con. Bị đơn ông Huỳnh Văn D xác định di sản mà bà K trình bày là đúng, căn cứ vào tờ thuận phân nên trong tộc họ đã giao cho cha ông ở trên căn nhà thờ đó, giữ gìn, chăm sóc, phụng thờ tổ tiên, không được bán, phần đất lập thổ không ai được rào xung quanh làm cản trở sự lưu thông của chủ đất trước và sau. Năm 1971 cha ông chết, toàn bộ tài sản do mẹ ông là bà E quản lý. Ngày 29/6/1998, mẹ ông có lập di chúc giao quyền và đất cho ông quản lý, có trách nhiệm cúng kiếng ông bà, Tờ di chúc này có sự chứng kiến ký tên của nhiều bà con trong tộc họ và các con trong gia đình, ông đã thực hiện đúng lời mẹ ông dặn trong di chúc, cũng như nội dung tờ thuận phân năm 1969.

[4] Phát biểu của luật sư Nguyễn Thị Minh O người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn:

Nguyên đơn kháng cáo bản án sơ thẩm yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét chấp nhận về việc nguyên đơn thay đổi yêu cầu về đòi tài sản. Ở cấp sơ thẩm nguyên đơn ủy quyền cho ông Đặng Huỳnh L đại diện hợp pháp cho nguyên

đơn, tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn trực tiếp tham gia phiên tòa xét xử phúc thẩm.

Về quan hệ tranh chấp vụ án là yêu cầu chia thừa kế do bà K khởi kiện tại tòa sơ thẩm, tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện của nguyên đơn đã rút yêu cầu xin chia thừa kế và được bà K đồng ý. Đối với việc yêu cầu xin chia thừa kế của bà K cấp sơ thẩm đã thụ lý là không có cơ sở vì bà K không phải là hàng thừa kế và bà K cũng không chứng minh được di sản để lại. Theo bà K trình bày bà tranh chấp di sản thừa kế của ông Giáo S chồng bà để lại, nhưng khi cuối đời chồng bà ở lại nên gia đình ông D đã lo chăm sóc cuối đời, khi chết lo ma chay mồ mã, còn bà K thì bỏ về thành phố Hồ Chí Minh sinh sống. Bà K cũng không chứng minh được tài sản đang tranh chấp là tài sản chung của vợ chồng, cũng không đăng ký giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên việc yêu cầu của bà K là không có cơ sở. Nên việc thay đổi yêu cầu của đại diện nguyên đơn tại phiên tòa sơ thẩm là rút yêu cầu chia thừa kế tài sản thay đổi yêu cầu khởi kiện đòi tài sản là nhà và đất, do việc thay đổi yêu cầu của đương sự nên cấp sơ thẩm đã căn cứ vào khoản 1, Điều 5, khoản 2, Điều 224 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đã nhận định do nguyên đơn thay đổi yêu cầu là vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu. Đình chỉ xét xử toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Theo tờ thuận phân đất ruộng ngày 02/8/1969 (thay tờ di chúc) tài sản để lại cho cha mẹ chồng bà K là người chỉ được trong coi, chứ không có quyền chia di sản thừa kế. Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự cũng căn cứ vào tờ thuận phân ngày 02/8/1969, và tờ di chúc có sự chứng thực của UBND xã cũng không có gì để bác bỏ nội dung trên nên ông D là con cụ U, cụ E là người được tộc họ giao tiếp quản nhận trông coi quản lý di sản được sử dụng trong việc thờ cúng. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1, Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự giữ y bản án sơ thẩm.

[4] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật của các Thẩm phán và Thư ký Tòa án từ khi thụ lý vụ án tới thời điểm này thấy rằng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm. Đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử, thành phần Hội đồng xét xử, sự có mặt của thành viên Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa, phạm vi xét xử phúc thẩm và thủ tục phiên tòa.

Đối với các đương sự, từ khi Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý vụ án cho đến thời điểm xét xử tại phiên tòa hôm nay được thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, Điều 72, Điều 73, Điều 234 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Đề xuất hướng giải quyết vụ án: áp dụng khoản 1, Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 33/DS-ST ngày 28/02/2018 của Tòa án nhân dân huyện Châu P;

[5] Xét đơn kháng cáo của Bùi Ngân Kim K về việc yêu cầu cấp phúc thẩm chấp nhận việc thay đổi yêu cầu đòi tài sản. Hội đồng xét xử nhận thấy nguyên đơn bà Bùi Ngân Kim K khởi kiện yêu cầu chia thừa theo pháp luật đối với di sản do cụ Huỳnh Văn U và Cụ Phan Thị E chết để lại gồm căn nhà đất ở, trồng cây lâu năm khác diện tích 4.522,7m² (trong đó 908,7m² đất mỗ mã không yêu cầu chia).

Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 28/02/2018 ông Đặng Huỳnh L (Là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn) và bà Bùi Ngân Kim K rút lại yêu cầu chia di sản thừa kế tài sản; thay đổi yêu cầu khởi kiện là đòi lại nhà và đất. Hội đồng xét xử nhận thấy nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện, nên việc Tòa cấp sơ thẩm đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia tài sản thừa kế là đúng theo khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Về việc nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện đòi lại nhà và đất là vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu, nên kháng cáo của bà K không có cơ sở để xem xét chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 5, khoản 2 Điều 244, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 2; điểm i khoản 1 Điều 3 Luật Người cao tuổi 2009; Điểm đ khoản 1, Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 11 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Bùi Ngân Kim K.

Xử: Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 33/2018/DS-ST ngày 28/02/2018 của Tòa án nhân dân huyện Châu P, tỉnh An Giang.

Không Chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Ngân Kim Khánh đòi lại nhà và đất.

Chấp nhận việc rút yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Ngân Kim K,

Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Ngân Kim K đối với bị đơn ông Huỳnh Văn D về việc chia thừa kế tài sản.

Về chi phí tố tụng: bà Bùi Ngân Kim K phải chịu tiền chi phí do đặc 3.325.000 đồng, tiền định giá tài sản, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 1.100.000 đồng, bà khánh đã nộp xong.

Về án phí sơ thẩm: do bà Bùi Ngân Kim K trên 60 tuổi nên được miễn giảm án phí dân sự sơ thẩm. Nên bà K được nhận lại 50.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số 007906 ngày 02/10/2008 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu P.

Về án phí phúc thẩm: do bà Bùi Ngân Kim K trên 60 tuổi nên được miễn giảm án phí dân sự phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (31/5/2018).

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND huyện Châu P;
- Chi cục THA dân sự huyện Châu P;
- Các đương sự;
- Văn phòng;
- Phòng KTNV&THA;
- Tòa Dân Sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Minh Lễ